

Bản án số: 187/2025/HSPT
Ngày: 21-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Thẩm phán:

- Bà Đoàn Thị Hương Giang
- Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

-Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 106/2025/HSPT ngày 27/3/2025 đối với bị cáo ĐXM do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo: ĐXM, sinh năm 1984 tại tỉnh Quảng Bình; Nơi đăng ký thường trú: XX/Y Đường XX, Khu phố Y, phường LD, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số X, Đường số Y, Khu phố Z, phường HBC, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông ĐMT và bà ĐTQ; Bị cáo có vợ NTHV và 02 con: lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 30/11/2023 đến ngày 18/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Thị Trang, Công ty Luật TNHH Duật Vân thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 10/7/2023, bà Phạm Nguyễn Huy An là cán bộ tư pháp Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức tiếp nhận hồ sơ sao y 11 căn cước công dân gắn chip (mang tên NTTN; LĐN; VĐP; CCT; TQK; VCT; ĐTL; NCT; TTK; LTT; PVT) từ NTN, sinh năm 1978 (HKTT: XX/YYYY đường XX, Khu phố Y, phường HBP, thành phố Thủ Đức). Qua kiểm tra, bà An nghi ngờ 11 Căn cước công dân là giấy tờ giả nên đã báo tin cho Công an phường Hiệp Bình Phước để báo tin cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức tiếp nhận nguồn tin, đưa NTN về trụ sở làm việc và tiến hành niêm phong thu giữ toàn bộ vật chứng để thực hiện việc giám định. Kết luận giám định số 8816/KL-KTHS ngày 17/08/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 11 căn cước công dân cần giám định là giả.

Tại Cơ quan điều tra, NTN khai nhận: Sáng ngày 10/07/2023, N đưa con đến trường học như thường lệ thì HTNT (vợ của N) nhờ N đến Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước sao y 11 căn cước công dân. N có hỏi T sao y cho ai mà nhiều vậy, T trả lời để làm hồ sơ dùm cho khách hàng. Nghe T nói vậy nên N không hỏi thêm gì và thực hiện theo yêu cầu của T. N không biết các căn cước công dân đó là giả và không biết mục đích việc T nhờ công chứng để sử dụng vào việc gì.

Cơ quan điều tra đưa HTNT về trụ sở làm việc, T khai nhận: Khoảng năm 2021, T quen biết với người đàn ông tên M qua giới thiệu của THNS (là anh họ của T) để làm dịch vụ thành lập công ty nhưng chưa làm được. Đến khoảng tháng 6/2023, M liên hệ với T đề nghị T làm 21 bộ hồ sơ thành lập công ty với giá 7.200.000 đồng/1 bộ hồ sơ, sau khi trừ tất cả các khoản chi phí, T lời được khoảng 2.500.000 đồng. T đã làm xong 21 bộ hồ sơ trên. Đến ngày 06/7/2023, M tiếp tục liên hệ với T đưa cho T 11 căn cước công dân để T làm thủ tục thành lập công ty. Sau đó, T đưa 11 căn cước công dân cho chồng là NTN đi chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước thì bị phát hiện.

Trên cơ sở hoạt động kiểm tra, xác minh, kết quả điều tra đã triệu tập và làm việc được các đối tượng sau: THNS; ĐXM; ĐXH; VNA; LPND; NĐQT; HTBN; TTNT làm việc, kết quả ghi lời khai như sau:

- THNS khai nhận: Quen biết ĐXM từ năm 2017. Năm 2023, do biết T làm dịch vụ thành lập công ty và biết M có nhu cầu thành lập công ty nên đã giới thiệu M cho T. S không biết căn cước công dân M đưa cho T là giả.

- ĐXM khai nhận: Quen biết với VNA thông qua ĐXH (là cháu ruột của M) và sau đó biết được NA đang có nhu cầu tìm người thành lập Công ty không thực tế hoạt động để mua bán hóa đơn (Sau đây gọi tắt là Công ty ma). Vì ham lợi nhuận nên M đã nhờ L, sử dụng số điện thoại xxxxxxxxxx (là người đã từng

làm dịch vụ kế toán và làm thủ tục đăng ký thành lập công ty cho M trước đây) thành lập 08 công ty ma để giao cho VNA từ tháng 7/2022. M không biết NA thu bao nhiêu % trên tổng doanh số trên hóa đơn không phát hành bán ra mà chỉ yêu cầu NA phải trả cho M 1,2% trên tổng doanh số. 08 (tám) Công ty ma NA nhờ M và M nhờ L thành lập gồm: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM DV KĐ (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TM PD (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH DV SẢN XUẤT ĐẦU TƯ TM TT (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PTT (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH IN ẤN VĂN PHÒNG PHẨM HA (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIẾT KẾ HH (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH TM DV D (MST: xxxxxxxxxxxx).

Mỗi công ty M nhờ L thành lập có giá trị là 7.000.000 đồng/công ty. Tổng cộng 08 Công ty là 56.000.000 đồng, M giao tiền mặt cho L tại quán Cà phê FMC, đường PVT, Phường X, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh địa điểm này do L yêu cầu M đến gặp để giao tiền. Để có thông tin thành lập 08 Công ty ma, M cung cấp địa chỉ cụ thể của từng Công ty cho L để đăng ký trên Giấy phép kinh doanh cho 08 Công ty. Địa chỉ 08 Công ty này đều ở địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. M chọn các địa chỉ thuộc địa bàn Thành phố Thủ Đức để đăng ký thành lập 08 Công ty ma vì những địa chỉ M chọn thường trong các hẻm, cán bộ thuế ít kiểm tra, các địa chỉ thường không có thật.

Sau khi đăng ký thành lập xong 08 Công ty ma tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký các thủ tục về thuế tại Chi Cục thuế thành phố Thủ Đức, M nói với L liên hệ NA để giao Giấy phép kinh doanh, con dấu, token, User thuê của 08 Công ty ma cho NA. M thuê L kê khai báo cáo thuế cho 08 Công ty ma với giá tiền mỗi quý 2.000.000 đồng/Công ty và không thỏa thuận gì về việc chia lợi nhuận bán hóa đơn cho L. VNA chia lợi nhuận (thu lợi bất chính) cho M từ việc sử dụng pháp nhân 08 Công ty ma phát hành, xuất bán hóa đơn trái phép bằng tiền mặt hình thức giao tiền trực tiếp hoặc có lúc M nhờ ĐXH đi nhận tiền giùm. M xác nhận số tiền thu lợi bất chính mà NA đã đưa cho M là tổng doanh thu trước thuế của Quý 3,4/2022 và quý 1/2023 số tiền 58.435.264.959 đồng x 1,2% = 701.223.180 đồng. Cứ sau mỗi lần báo cáo quý xong thì M và NA sẽ ngồi lại để xác định số tiền hoa hồng đã bán được hoá đơn cho khách.

Đến tháng 6/2023, NA tiếp tục nhờ M thành lập nhiều công ty ma nhưng do L không làm nữa nên M thông qua S nhờ T thành lập. Để có thông tin người đứng tên đại diện theo pháp luật. M mua căn cước công dân của TTNT là vợ của NVV là chủ tiệm cầm đồ NT, địa chỉ XX HHT, Phường XX, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 800.000 đồng/căn cước công dân rồi đưa cho T để thành lập. Tuy nhiên, các công ty này chưa đưa vào hoạt động.

- VNA khai nhận: NA biết M thông qua H. Sau đó NA gặp riêng M tại quán cà phê tại quận Gò Vấp, cả hai cùng trao đổi về việc bán hóa đơn để chia lợi

nhuận. M là người chịu trách nhiệm liên hệ để thành lập các công ty ma đưa cho NA để tìm kiếm khách hàng phát hành và bán hóa đơn chia lợi nhuận trên tổng số tiền ghi trên hóa đơn bán ra. M đòi NA phải trả cho M 1,2% trên tổng số tiền ghi trên hóa đơn.

Từ tháng 7/2022 đến khi bị phát hiện, NA đã nhận từ M 08 Công ty ma để xuất bán hóa đơn giá trị gia tăng cho các khách hàng khắp cả nước nhằm thu lợi bất chính. Đến tháng 6/2023 tiếp tục làm 21 công ty nhưng chưa phát hành và chuẩn bị làm thêm 11 công ty thì bị phát hiện.

Do tìm kiếm khách hàng khó nên NA giao các Công ty ma cho các trung gian để tìm kiếm khách hàng có nhu cầu mua hoá đơn, NA báo giá cho các trung gian với giá 2% doanh thu trước thuế còn trung gian tự làm việc với khách hàng kê giá lên bao nhiêu NA không rõ. Quá trình làm việc với các trung gian hoàn toàn qua mail vanxuan0606@gmail.com. Sau khi xuất hoá đơn và uỷ nhiệm chi để hợp thức hoá xong thì phải sau kỳ báo cáo thuế hàng quý thì trung gian mới thanh toán chi phí xuất hoá đơn cho NA bằng hình thức tiền mặt.

Để thực hiện được công việc này, VNA thuê LPND (vai trò soạn thảo hợp đồng, biên bản, hoá đơn nháp); NĐQT (vai trò gửi hợp đồng, biên bản cho khách, uỷ nhiệm chi tiền tại ngân hàng để hợp thức hoá các hoá đơn đã xuất cho khách) và thuê kế toán dịch vụ HTBN (vai trò báo cáo thuế, phát hành hoá đơn chính thức do D soạn sẵn gửi cho N theo chỉ đạo của NA). Thời điểm thuê N làm kế toán, NA không báo trước, không thoả thuận với N về vấn đề xuất hoá đơn cho các Công ty ma. Trong các kỳ báo cáo thuế hàng quý và kết thúc năm tài chính N thường xuyên yêu cầu NA cung cấp hoá đơn đầu vào thực tế để kê khai nhưng NA hứa hẹn nhiều lần để kéo dài thời gian. NA thừa nhận đã chỉ đạo N ký phát hành tổng cộng 2.287 hoá đơn cho tổng cộng 432 Công ty với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 187.446.283.798 đồng đã bao gồm thuế VAT. Tuy nhiên NA chỉ thừa nhận thu lợi bất chính trong số 1.259 hoá đơn xuất cho tổng cộng 263 Công ty với tổng số tiền 58.435.264.959 đồng chưa bao gồm thuế VAT (63.904.957.893 đồng đã bao gồm thuế VAT) với lý do các trung gian chỉ thanh toán khi các hóa đơn đã được đưa vào báo cáo thuế. Còn quý 02/2023 chưa đến hạn báo cáo thì đã bị Cơ quan Công an mời làm việc nên chưa gửi số liệu cho N báo cáo thuế. NA xác nhận số tiền thu lợi bất chính là tổng doanh thu trước thuế của 1.259 hóa đơn, số tiền $58.435.264.959 \text{ đồng} \times 2\% = 1.168.705.299 \text{ đồng}$, gồm: Quý 3,4/2022 và Quý 1/2023, riêng Quý 2/2023 chưa báo cáo thuế nên khách chưa thanh toán chi phí xuất hoá đơn. Cụ thể số tiền thu lợi bất chính của NA là $58.435.264.959 \text{ đồng} \times 0,8\% = 467.482.120 \text{ đồng}$, của M là $58.435.264.959 \text{ đồng} \times 1,2\% = 701.223.180 \text{ đồng}$. NA cho biết chi trả tiền hoa hồng cho M tất cả đều bằng tiền mặt, thỉnh thoảng có người tên H là cháu của ông M qua quán cà phê mà NA hẹn để lấy tiền khi ông M có việc bận. Tất cả các hoá đơn sau khi báo cáo thuế hàng quý xong

thì mới thu được tiền của khách hàng nên đối với các hoá đơn quý 2/2023 NA không thu được tiền bán hoá đơn từ khách.

- Đinh Xuân H khai nhận: Hoàn quen biết VNA từ năm 2018. Hoàn không biết rõ họ và tên của VNA mà gọi là “Tuấn Anh” thông qua một người em họ của Hoàn. Không rõ NA và M làm cụ thể việc gì chỉ biết 02 người có liên quan đến việc thành lập công ty nên giới thiệu cho nhau. Không hưởng lợi ích gì từ việc giới thiệu. Thịnh thoảng Hoàn được M nhờ đi gặp NA để lấy tiền nhưng không biết cụ thể số tiền là bao nhiêu.

- LPND khai nhận: Là em vợ của VNA biết NA chuyên thành lập công ty “ma” để phát hành và bán hóa đơn không. Ngoài D còn có Q cũng được NA thuê để giúp NA làm công việc này. Hằng tháng, D được NA trả 10.000.000 đồng. D có nhiệm vụ đăng nhập vào phần mềm easy invoice sau đó nhập mã số thuế, mặt khẩu và mã code để đăng nhập, sau đó nhập thông tin công ty bên mua, nội dung giao dịch và số tiền giao dịch theo yêu cầu của khách hàng. Sau đó gửi cho khách hàng xem, trao đổi trả lời khách hàng. Nếu đúng thì gửi cho BN để ký duyệt bằng chữ ký số (token). Ngoài ra D còn làm phiếu thu; phiếu xuất kho; hợp đồng mua bán, đóng dấu trên hợp đồng và có lúc trực tiếp ký tên trên hợp đồng mua bán với tư cách là bên bán hàng hóa.

- NĐQT khai nhận: Bắt đầu làm việc cho NA từ tháng 8/2022 với tiền công hàng tháng là 10.000.000 đồng với nhiệm vụ đi gặp khách hàng của NA để lấy hợp đồng mua bán từ NA mang đến cho khách hàng ký nhận, việc ký các hợp đồng trên là hợp thức hóa việc mua bán hóa đơn giá trị gia tăng của NA đã xuất cho khách hàng trước đó. Ngoài ra, Q còn có nhiệm vụ đến Ngân hàng để rút tiền để đưa lại cho NA hoặc nhận chuyển khoản từ tài khoản của các Công ty mà chuyển vào tài khoản của NA chuyển tiền lại cho khách hàng, cụ thể như sau: Khi khách hàng mua hóa đơn GTGT từ NA họ sẽ chuyển vào tài khoản của Công ty mà cho NA cung cấp. Sau đó, NA thực hiện việc chuyển số tiền trên vào các tài khoản của Q do Q cung cấp. Q sẽ thực hiện việc rút tiền đưa tiền mặt cho NA hoặc trực tiếp chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng của NA hoặc chuyển khoản cho đối tượng khác do NA chỉ định, đồng thời Q cũng chính là người đi giao chữ ký số (token) cho HTBN.

- HTBN khai nhận: N quen biết NA thông qua việc N đăng thông tin cá nhân “Nhận làm kế toán dịch vụ giá rẻ” thì nhận được liên hệ từ NA. N bắt đầu làm việc cho NA từ tháng 7/2022 thực hiện việc phát hành hóa đơn cho 08 Công ty do NA cung cấp thông tin, phát hành nhiều hóa đơn cho nhiều công ty, không lưu lại hóa đơn mà lưu trên phần mềm hóa đơn điện tử online. Nhiệm vụ của N là khai báo thuế và phát hành hóa đơn điện tử và được NA trả tiền công là 2.000.000 đồng/quý/công ty. NA chuyển tiền bằng hình thức chuyển khoản. Người thực hiện làm hóa đơn nháp trước khi chuyển cho N là D. Khi D làm xong sẽ nhắn tin qua

Telegram cho N báo số hóa đơn cần ký và N sẽ dùng Token để ký phát hành hóa đơn còn Token do Q mang đến giao cho N.

N không biết việc phát hành hóa đơn cho các công ty do NA cung cấp thông tin là không đúng quy định vì NA, D và Q không nói cho N biết. Quá trình làm việc với NA, N không biết được các công ty này là không có thật, chỉ biết đến kỳ khai báo thuế nhưng NA không cung cấp các chứng từ gốc đầu vào cho N để đối chiếu số liệu với số liệu tổng trên tờ khai báo thuế. N có hỏi NA là các công ty này là công ty “không” có phải không thì NA nói N cứ kiểm tra và phát hành các hóa đơn mà D đã làm sẵn, NA sẽ bổ sung các hoá đơn đầu vào sau. NA vẫn trả tiền công cho N là 2.000.000 đồng/quý/công ty như đã thỏa thuận. Ngoài ra khi phát sinh việc phát hành hóa đơn nhiều hơn ban đầu thì NA có nói là sẽ đưa thêm tiền công nhưng N chưa nhận được số tiền này. Sau khi Công an đến kiểm tra nhà thì N mới biết NA lập công ty “ma” để bán hoá đơn. N cho biết quy trình ký phát hành hoá đơn như sau:

+ Đối với các Công ty: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM DV DH (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM DV KĐ (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TM PD (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH DV SẢN XUẤT ĐẦU TƯ TM TT (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PTT (MST: xxxxxxxxxxxx) sẽ thực hiện truy cập vào đường dẫn <https://ehd.smartsign.com.vn/Pages/HomePage/Login.aspx> sau đó đăng nhập bằng cách nhập ID: “mã số thuế công ty”, mật khẩu: “mã số thuế công ty kèm chữ a” (ví dụ: Công ty DH sẽ có ID: xxxxxxxxxxxx, mật khẩu: xxxxxxxxxxxx). Sau khi đăng nhập vào chọn mục danh sách hoá đơn và ký phát hành chính thức các hoá đơn nháp theo chỉ định mà D đã soạn sẵn.

+ Đối với các Công ty: CÔNG TY TNHH IN ẤN VĂN PHÒNG PHẨM HA (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIẾT KẾ HH (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH TM DV D (MST: xxxxxxxxxxxx) sẽ thực hiện truy cập vào đường dẫn <https://mst.easyinvoice.com.vn> (ví dụ Công ty HA sẽ có đường dẫn là <https://xxxxxxxxxx.easyinvoice.com.vn>) sau đó đăng nhập bằng cách nhập ID: admin, mật khẩu: xxxxxxxxxxxx. Sau khi đăng nhập vào chọn mục danh sách hoá đơn và ký phát hành chính thức các hoá đơn nháp theo chỉ định mà D đã soạn sẵn.

- TTNT khai nhận: Là vợ của ông NVQ là chủ tiệm kinh doanh cầm đồ NT, địa chỉ XX HHT, Phường XX, quận TB. Bà T thừa nhận đã bán 11 căn cước công dân mang tên NTTN; LĐN; VĐP; CCT; TQK; VCT; ĐTL; NCT; TTK; LTT; PVT cho M với giá 800.000 đồng/1 căn cước công dân. Bà T không biết 11 căn cước công dân trên là giả. 11 căn cước công dân trên bà T nhận của khách đến cầm cố chính chủ với giá 600.000 đồng/01 căn cước công dân. Tuy nhiên, đến thời hạn nhưng khách không đến chuộc lại.

- Tiến hành khám xét nhà của VNA, Q, D, ĐXM, HTNT thu giữ nhiều tài liệu liên quan đến việc thành lập và hoạt động của 08 công ty mà VNA và ĐXM thành lập và thực hiện việc phát hành, bán hóa đơn từ tháng 8/2022 đến nay. Đồng thời thu giữ tài liệu liên quan đến việc thành lập và hoạt động của 21 công ty mà ĐXM nhờ T thành lập vào tháng 6/2023. Đồng thời tạm giữ nhiều đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ việc gồm: các CPU, laptop, con dấu, giấy đăng ký kinh doanh, các Token chữ ký số của 08 Công ty mà gồm: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM DV DH (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM DV KĐ (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TM PD (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH DV SẢN XUẤT ĐẦU TƯ TM TT (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PTT (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH IN ẤN VĂN PHÒNG PHẨM HA (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIẾT KẾ HH (MST: xxxxxxxxxxxx); CÔNG TY TNHH TM DV DAY – LIGHT (MST: xxxxxxxxxxxx).

Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HSST ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:

Căn cứ điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo ĐXM 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “In, mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giam từ ngày 30/11/2023 đến ngày 18/01/2024.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, bị cáo ĐXM có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt hoặc chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo ĐXM giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo VNA, ĐXM, NĐQT và LPND phạm tội “In, mua bán trái phép hóa đơn” và áp dụng điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 khi xét xử các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau xét xử bị cáo ĐXM có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định, nên hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo bổ sung được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là Huân chương kháng chiến hạng nhì

và hạng ba của cha mẹ bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét kháng cáo của bị cáo thấy bị cáo có nơi cư trú ổn định, có thu nhập ổn định, bị cáo có đủ điều kiện áp dụng hình phạt tiền. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Áp dụng điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 xử phạt bị cáo ĐXM 450 triệu đồng đến 500 triệu đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của bị cáo ĐXM, do không nhận thức đầy đủ về pháp luật, cả nể chỗ quen nên bị cáo đồng ý lời đề nghị của VNA thành lập các Công ty “ma” thực hiện việc mua bán hóa đơn để thu lợi, bị cáo không tham gia bất kỳ hoạt động nào của các công ty, không quản lý các công ty và không thực hiện việc in, mua bán trái phép hóa đơn. Bị cáo ĐXM có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: Cha mẹ bị cáo là người có công với cách mạng, được trao tặng Huân chương kháng chiến, bị cáo lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có vợ và hai con nhỏ, bị cáo đã nhận thức rõ hành vi của mình, ăn năn, hối cải. Bị cáo đã nộp các sổ tiết kiệm có số tiền 300.000.000 đồng để thể hiện bị cáo có khả năng đảm bảo thi hành án hình phạt tiền. Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo ĐXM được thay đổi hình phạt chính từ hình phạt tù thành hình phạt tiền.

Bị cáo ĐXM không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng bị cáo chỉ xin được hưởng hình phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 01 năm 2025, bị cáo Đinh Xuân Mời có Đơn kháng cáo, về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo ĐXM theo trình tự phúc thẩm.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo ĐXM, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, căn cứ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Bị cáo ĐXM giúp VNA thành lập 08 công ty không có giám đốc thật, không có hàng hóa, không hoạt động thực tế, để VNA chỉ đạo các bị cáo LPND và NĐQT khởi tạo hóa đơn điện tử, bán hóa đơn ghi nội dung nhưng không có hàng hóa để

thu lợi. Bị cáo ĐXM được chia 1,2% trên tổng số tiền 58.435.264.959 đồng tương đương với 1.259 hóa đơn giá trị gia tăng đã khởi tạo, được cấp mã cơ quan thuế và đã báo cáo thuế. Số tiền mà ĐXM thu lợi bất chính là 701.223.179 đồng.

Hành vi của bị cáo ĐXM đã đủ yếu tố cấu thành tội “In, mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo ĐXM là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo ĐXM, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Đây là vụ án “In, mua bán trái phép hóa đơn” do đối tượng VNA giữ vai trò chủ mưu, cầm đầu, chỉ đạo các đồng phạm khác thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo ĐXM giữ vai trò là đồng phạm giúp sức. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo M có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, hiện là lao động chính trong gia đình; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo bổ sung huân chương kháng chiến của cha mẹ bị cáo là tình tiết mới của vụ án nên áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự và bị cáo xuất trình 03 sổ tiết kiệm tên ĐXM để đảm bảo thi hành hình phạt tiền. Xét, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và có khả năng tự cải tạo, bên cạnh đó tình hình tài sản và điều kiện của bị cáo ĐXM đủ khả năng chấp hành hình phạt tiền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự nên xem xét áp dụng phạt tiền là hình phạt chính, buộc bị cáo nộp một số tiền nhất định để sung ngân sách nhà nước, cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại Điều 3 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo ĐXM và sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo ĐXM không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Sửa bản án sơ thẩm số 31/2025/HSST ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt tiền bị cáo ĐXM số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) về tội “In, mua bán trái phép hóa đơn”. Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án:

Bị cáo ĐXM không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- PV06 - CA Tp.HCM; (1)
- VKSND thành phố Thủ Đức; (1)
- TAND thành phố Thủ Đức; (1)
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức; (1)
- Công an thành phố Thủ Đức; (1)
- Bị cáo; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (20). (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân

